TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2017/HNGĐ-PT
Ngày 25 tháng 7 năm 2017
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thuý Mai

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Chưng

Bà Dương Thị Tuyết

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Ông Nguyễn Phương Nam - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2017/TLPT- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017 về việc "tranh chấp hôn nhân gia đình". Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2017/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện S bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/2017/QĐ - PT ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Xuân T, sinh năm 1958;

Nơi cư trú: thôn L, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Kim Hồng B - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc;

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1960;

Nơi cư trú: thôn L, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Người kháng cáo: Ông Bùi Xuân T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2017 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Bùi Xuân T trình bày: Ông kết hôn với bà Vũ Thị H ngày 26 tháng 10 năm 1983, trước khi cưới được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện C (nay là huyện S). Tổ chức cưới xong bà H về làm dâu và ở chung cùng gia đình ông được khoảng 01 năm thì vợ chồng ra ở riêng. Quá trình vợ chồng chung sống hoà thuận đến khoảng năm 1985 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong cuộc sống hàng ngày tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi

nhau và không quan tâm đến nhau. Bà H đã nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ ở sau đó vợ chồng lại về đoàn tụ. Năm 2013 bà H có nói với ông là bà có quan hệ bất chính với người khác. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Bùi Xuân D, sinh ngày 12/11/1984; Bùi Xuân P, sinh ngày 11/02/1986 và Bùi Xuân M, sinh ngày 24/6/1989. Hiện nay các con đã thành niên nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết. Tuy nhiên ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng anh D vì hiện nay anh D là người tâm thần, không thể lao động tự nuôi sống bản thân.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Ông T không đề nghị Toà án giải quyết.

Bị đơn bà Vũ Thị H trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống như ông T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn bà về làm dâu và chung sống cùng gia đình ông T được khoảng 09 tháng thì vợ chồng ra ở riêng. Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2012 do ông T bị ảnh hưởng của vết thương chiến tranh để lại nên trong sinh hoạt hàng ngày ông T thường không kiềm chế được cảm xúc cũng như lời ăn tiếng nói nên thỉnh thoảng có mắng chửi mẹ con bà. Do điều kiện kinh tế khó khăn bà phải đi làm giúp việc tại nhà cháu ông T tại thành phố Vĩnh Yên vì vậy mỗi lần về nhà ông T lại dựng chuyện là bà đi ngoại tình. Việc ông T thường ghen tuông vô cớ là do một số người trêu đùa nhưng ông vẫn cho là có thật. Bà đã khuyên bảo ông T nhiều lần nhưng không được. Nay ông T làm đơn xin ly hôn bà xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên xin được đoàn tụ. Lý do bà xin đoàn tụ để có điều kiện chăm sóc ông T khi bị ốm đau, mặt khác vợ chồng bà có anh D hiện nay sức khỏe yếu, không tự lao động nuôi sống bản thân, là người tâm thần nên bà mong muốn cả hai vợ chồng cùng chăm sóc anh D.

Về con chung: Xác nhận có 03 con như ông T trình bày. Bà xin được đoàn tụ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Bà H không đề nghị Toà án giải quyết.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án số 12/2017/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 5 năm 2017 Tòa án nhân dân huyện S đã áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Bùi Xuân T đối với bà Vũ Thị H.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 15/5/2017 ông Bùi Xuân T có đơn kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho ông được ly hôn với bà Vũ Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Xác nhận lời trình bày của nguyên đơn ông Bùi Xuân T là đúng. Tuy nhiên sau khi làm việc trực tiếp với các đương sự, các con chung của ông bà và xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã N thì đề nghị ông T và bà H suy nghĩ thêm và mong muốn ông bà đoàn tụ vì hiện nay tuổi của ông bà đã cao, ông T là thương binh nên sức khỏe yếu, mặt khác ông bà có con là anh D hiện nay bị tâm thần, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của ông và bà.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Xuân T và bà Bùi Thị H kết hôn năm 1983. Quá trình chung sống theo ông T vợ chồng không hạnh phúc do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đồng thời bà H có nói với ông là bà có quan hệ bất chính với người khác. Theo bà H vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng mà do ông T bị ảnh hưởng của vết thương chiến tranh để lại nên trong sinh hoạt hàng ngày tại gia đình ông T thường không kiềm chế được cảm xúc. Ông T xin ly hôn nhưng trong quá trình giải quyết bà H tha thiết xin đoàn tụ để bà có có điều kiện chăm sóc ông T khi bị ốm đau, mặt khác vợ chồng bà có anh D là người bị tâm thần hiện nay sức khỏe yếu, không tự lao động được cần người chăm sóc. Ngoài ra theo ông bà xác nhận hiện con chung của ông bà là anh Bùi Xuân P mới bị tai nạn giao thông vì vậy về tình cảm rất cần sự quan tâm, chăm sóc của cả hai vợ chồng bà.

Tài liệu xác minh tại địa phương xác định bà H là người phụ nữ chịu thương, chịu khó, biết chăm lo, vun vén cho gia đình cũng như phát triển kinh tế gia đình. Hiện nay ông T, bà H vẫn chung sống cùng nhà, vợ chồng không sống ly thân và không có mâu thuẫn gay gắt, căng thẳng như ông T trình bày. Lời khai các con của ông bà cũng đều đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ông bà về đoàn tụ.

Như vậy xét tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà H chưa đến mức trầm trọng, bà H vẫn còn tình cảm thương yêu đối với chồng, mặt khác ông T, bà H tuổi đã cao, các con hiện đã khôn lớn trưởng thành, bản thân ông T sức khỏe yếu, ông bà có 01 người con bị tâm thần và 01 người con hiện đang bị tai nạn giao thông rất cần sự chăm sóc của người vợ, người mẹ trong gia đình. Việc ông

T xin ly hôn bà H là chưa đủ căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và kháng cáo của ông T về việc xin ly hôn cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Ông Bùi Xuân T được miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, phúc thẩm do thuộc trường hợp người có công với cách mạng.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của ông Bùi Xuân T.

2. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2017/HNGĐ-ST ngày 11/5/2017 của Toà án nhân dân huyện S về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Bùi Xuân T đối với bà Vũ Thị H.

3. Về án phí: Ông Bùi Xuân T được miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**

- *VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *TAND huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *Chi cục THADS huyện S;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Phạm Thị Thuý Mai